

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **332** /QĐ-UBND

Thái Bình, ngày **22** tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh quy mô, địa điểm và số lượng dự án trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Thái Thụy, huyện Kiến Xương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 3014/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Thái Thụy tại Tờ trình số 18/TTr-UBND ngày 19/01/2024, của Ủy ban nhân dân huyện Kiến Xương tại Tờ trình số 26/TTr-UBND ngày 11/3/2024, của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 139/TTr-STNMT ngày 15/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh quy mô, địa điểm và số lượng dự án trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Thái Thụy, huyện Kiến Xương (Chi tiết dự án theo phụ lục 1,2 kèm theo)

Điều 2. Căn cứ Điều 1, Điều 2 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện Thái Thụy, huyện Kiến Xương có trách nhiệm:

1. Công bố công khai việc Điều chỉnh quy mô, địa điểm và số lượng dự án trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Thái Thụy, huyện Kiến Xương theo quy định của pháp luật về đất đai.



2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thái Thụy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kiến Xương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT



Lại Văn Hoàn



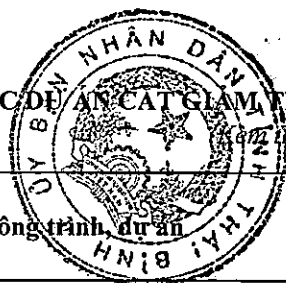


Phụ lục 1: DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH VỀ QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 CỦA HUYỆN THÁI THỤY, HUYỆN KIẾN XƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số: **332** /QĐ-UBND ngày **22** /3/2024 của UBND tỉnh)

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Ghi chú
I	Đất giao thông	DGT	270,05		
1	Huyện Thái Thụy	DGT	116,05		
1.1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình	DGT	116,05	Sơn Hà, Thái Giang, Thụy Phong, Thụy Sơn, Dương Phúc, Thụy Bình, Thụy Liên, Thụy Trình	Diện tích trong Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Thái Thụy đã được phê duyệt là 60,84 ha; diện tích được cập nhật bổ sung là 55,21 ha
2	Huyện Kiến Xương	DGT	154,00		
2.1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình	DGT	154,00	Vũ Bình, Vũ Công, Quang Minh, Quang Bình, Bình Minh, Hoà Bình, Đình Phùng, Thanh Tân, Bình Nguyên, Quốc Tuấn	Diện tích trong Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Kiến Xương đã được phê duyệt là 103 ha; diện tích được cập nhật bổ sung là 51 ha

Phụ lục 2: DANH MỤC DỰ ÁN CẮT GIẢM TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 CỦA HUYỆN THÁI THỤY, HUYỆN KIẾN XƯƠNG

theo Quyết định số: 332 /QĐ-UBND ngày 22 /3/2024 của UBND tỉnh)



STT	Tên công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích cắt giảm	Địa điểm (xã, phường)	Ghi chú
I	Đất giao thông	DGT		106,21		
1	Huyện Thái Thụy	DGT		55,21		
1	Dự án đường Thái Bình - Hà Nam giai đoạn 2 từ QL10 đến QL 37	DGT	77,28	55,21	Thụy Ninh, Thụy Việt, Thụy Văn, Thụy Hưng, Thụy Quỳnh, Thụy Trinh, Thụy Bình, Dương Phúc, Thụy Dân	
2	Huyện Kiến Xương	DGT		51		
2.1	Quy hoạch đường giao thông khu trung tâm thị trấn	DGT	10,00	1,15	Thị trấn Kiến Xương	
2.2	Đường ĐH.30	DGT	10,44	1,00	Bình Định, Vũ Thắng, Vũ Hoà, Vũ Công, Quang Bình, Thị trấn Kiến Xương	
2.3	Nâng cấp, cải tạo đường cứu hộ cứu nạn liên xã Bình Nguyên - An Bình Vũ Tây, huyện Kiến Xương	DGT	1,54	0,55	An Bình, Tây Sơn	
2.4	Quy hoạch bến xe	DGT	0,45	0,45	Minh Tân	
2.5	Đường huyện ĐH.21 (Đường Nam Cao - An Bồi)	DGT	9,00	2,14	Nam Cao, Thị trấn Kiến Xương, Thượng Hiền	
2.6	Đường ĐH.26 (Đường Nam Bình)	DGT	7,77	4,00	Nam Bình, Bình Thanh, Minh Tân	
2.7	Quy hoạch giao thông	DGT	2,00	1,00	Lê Lợi	
2.8	Bến neo đậu tàu thuyền	DGT	5,00	2,02	Hồng Tiến	
2.9	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh ĐT.464 (Đường 221D) đoạn từ nút giao đường vành đai phía nam thành phố Thái Bình tại xã Vũ Đông đến QL 37B	DGT	40,32	15,48	Lê Lợi, Tây Sơn, Bình Nguyên, An Bình	
2.10	Đường huyện ĐH.18 (Đường Quang Trung - Bình Thanh)	DGT	16,66	7,73	Quang Trung, Minh Quang, Bình Thanh	
2.11	Đường huyện ĐH.15 (Đường Vũ Lê-Đình Phùng)	DGT	8,40	3,00	Vũ Lê, Thanh Tân, Đình Phùng	
2.12	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường làng nghề Kim - Đình Phùng huyện Kiến Xương (đoạn từ xã Vũ Lê đến ngã tư xã Đình Phùng)	DGT	6,60	3,60	Vũ Lê, Thanh Tân, Đình Phùng	
2.13	Đường tỉnh 458A	DGT	20,93	6,98	Vũ Quý, Vũ Trung, Vũ Công, Quang Minh, Quang Trung, Minh Quang	
2.14	Quy hoạch đường đi An Bình	DGT	2,70	1,50	Quốc Tuấn	
2.15	Quy hoạch bãi đỗ xe kết hợp đỗ xe taxi	DGT	0,40	0,40	Vũ Quý	